

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2026/DS-PT

Ngày 02/4/2026

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Việt Toàn.

Các Thẩm phán: 1. Ông Phạm Hải Nam.

2. Bà Hoàng Thị Mai Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2026/TLPT-DS ngày 19 tháng 01 năm 2026 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 60/2026/QĐ-PT ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N; Địa chỉ trụ sở: Số B phố L, phường G, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Vũ D - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh T2 (Theo Văn bản ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022).

Người được ủy quyền lại: Ông Trần Thanh T - Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Ngân hàng N - Chi nhánh T2 (Theo Văn bản ủy quyền số 137/NHNo.TN-UQ ngày 29/5/2023). Có mặt.

2. Bị đơn:

- Bà Lương Thị S - sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn L, xã T, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lương Thị S: Công ty L (Theo Văn bản ủy quyền ngày 20/7/2023).

Người đại diện theo pháp luật của Công ty L: Luật sư Võ Thiện H – Chức vụ: Giám đốc. Có mặt.

Người được uỷ quyền lại: Chị Cao Thị Cẩm T1 - sinh năm 2002; địa chỉ liên hệ: Số A đường T, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Văn bản uỷ quyền ngày 02/4/2026). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Võ Đình V1 - sinh năm 1956; địa chỉ: thôn L, xã T, tỉnh Quảng Ngãi; nơi ở hiện nay: Thôn F, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Lương Thị S và ông Võ Đình V1: Luật sư Võ Thiện H - Giám đốc Công ty L; địa chỉ liên hệ: Số A đường T, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Bà Lương Thị S và ông Võ Đình V1 – Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1.1. Tại Đơn khởi kiện ngày 28/6/2023, Bản tự khai đề ngày 30/6/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng N do người đại diện theo uỷ quyền là ông Trần Thanh T trình bày:

Nguyên đơn Ngân hàng N (A) với bị đơn ông Võ Đình V1, bà Lương Thị S có quan hệ tín dụng với nhau từ năm 2019 thông qua quá trình giao dịch, ký kết các hợp đồng tín dụng tại A - Chi nhánh T2 cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 4501LAV201905163 ngày 24/10/2019, số tiền vay là 290.000.000 đồng, lãi suất vay và thời hạn vay được ghi cụ thể trong hợp đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 4501LAV202004476 ngày 26/10/2020, số tiền vay là 200.000.000 đồng; lãi suất vay và thời hạn trả nợ được ghi cụ thể trong hợp đồng.

Để bảo đảm cho các khoản vay nêu trên, ông V1 và bà S đã ký kết với A hợp đồng thế chấp tài sản số 341/19-HĐTC ngày 24/10/2019, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 158, tờ bản đồ số 23, diện tích 1285,5m², địa chỉ thửa đất: Xã N, huyện T (nay là xã T), tỉnh Quảng Ngãi; thửa đất này đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Võ Đình V1 có số phát hành CS 673021, số vào sổ CS 14331, ngày cấp 21/8/2019.

Quá trình vay và trả nợ tín dụng, ông V1, bà S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo sự thỏa thuận trong các hợp đồng đã ký kết; khoản nợ vay của ông V1, bà S đã chuyển sang quá hạn từ ngày 05/11/2021 nhưng để tạo điều kiện giảm áp lực trả nợ lãi quá hạn cho khách hàng, Ngân hàng đã chấp thuận cơ cấu lại khoản nợ vay, gia hạn thêm thời hạn trả nợ cho ông V1, bà S là 01 năm. Tuy nhiên, ông V1, bà S vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng đã nộp đơn đề khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ cho Ngân hàng. Sau khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án thì ông V1, bà S đã trả được 79.699.000 đồng tiền

nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 4501LAV201905163 ngày 24/10/2019.

Tính đến ngày 14/9/2025, ông V1, bà S còn nợ A tổng cộng số tiền là 221.550.921 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 120.001.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 65.210.762 đồng; nợ lãi quá hạn và lãi chậm trả 36.339.159 đồng; nợ gốc và lãi cụ thể của từng hợp đồng như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 4501LAV201905163 ngày 24/10/2019, tổng cộng số tiền nợ gốc, tiền nợ lãi là 19.981.356 đồng; trong đó: Nợ gốc là 1.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 13.481.721 đồng, nợ lãi quá hạn và lãi chậm trả 6.498.635 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 4501LAV202004476 ngày 26/10/2020, tổng cộng số tiền nợ gốc, tiền nợ lãi là 201.569.565 đồng; trong đó: Nợ gốc là 120.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 51.729.041 đồng, nợ lãi quá hạn và lãi chậm trả 29.840.524 đồng.

Nay A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông V1, bà S phải trả toàn bộ số nợ nêu trên cho A và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 15/9/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng nêu trên.

Trường hợp ông V1, bà S không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ các khoản nợ thì A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 158, tờ bản đồ số 23, diện tích 1285,5m², địa chỉ thửa đất: Xã N, huyện T (nay là xã T), tỉnh Quảng Ngãi theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 341/19-HĐTC ngày 24/10/2019 đã được ký kết giữa Ngân hàng với ông Võ Đình V1 và bà Lương Thị S để thu hồi nợ.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để trả nợ thì ông V1, bà S phải tiếp tục trả nợ cho A cho đến khi tất toán xong các khoản nợ.

Ngoài ra nguyên đơn không trình bày và yêu cầu gì thêm.

1.2. Tại đơn đề nghị đề ngày 27/10/2023, biên bản làm việc ngày 11/10/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Lương Thị S do người đại diện theo uỷ quyền là bà Nguyễn Ngọc Phương D1 trình bày:

Thống nhất bị đơn bà Lương Thị S, ông Võ Đình V1 có vay và thế chấp tài sản để đảm bảo khoản nợ vay theo 02 hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản như đại diện nguyên đơn đã trình bày nêu trên, thừa nhận bị đơn (bà S và ông V1 chồng của bà S) đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong 02 hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Tuy nhiên, bị đơn không đồng ý trả toàn bộ số nợ như nguyên đơn yêu cầu, vì theo Thông báo chuyển nợ quá hạn của Ngân hàng đề ngày 05/11/2021 gửi cho bà S và ông V1 thì Ngân hàng đã xác định và chuyển các khoản nợ vay của bị đơn ông V1, bà S sang nợ quá hạn kể từ ngày 05/11/2021, nhưng sau ngày 05/11/2021 Ngân hàng vẫn tiếp tục thu tiền nợ lãi trước mà không thu nợ gốc. Điều này đi ngược với thỏa thuận tại khoản 6 Điều 5 của 02 hợp đồng tín dụng và đi ngược với quy định tại khoản 4 Điều 18 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1; đồng thời tại Thông báo chuyển nợ

quá hạn ngày 05/11/2021 thì Ngân hàng áp dụng tính lãi 8% trên tiền lãi quá hạn, điều này thể hiện lãi chồng lãi, là vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của bà S, ông V1 nên ông V1, bà S không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 18 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN 30/12/2016 của Ngân hàng N1 để xem xét, giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Trường hợp có căn cứ xác định bị đơn ông V1, bà S còn nợ Ngân hàng và bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ thì bị đơn đồng ý xử lý tài sản thế chấp mà bị đơn đã thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ.

1.3. Tại Đơn đề nghị ngày 05/9/2025, bị đơn ông Võ Đình V1 trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà Lương Thị S nêu trên; đồng thời ông V1 cho rằng ông làm việc và sinh sống tại địa chỉ: thôn F, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là Thôn F, xã E, tỉnh Đắk Lắk) từ năm 1990 cho đến nay; quá trình vay và trả nợ tín dụng ông đã cập nhật địa chỉ nêu trên cho Ngân hàng. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Quảng Ngãi) thụ lý, giải quyết là không đúng về thẩm quyền theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự mà phải là Tòa án nơi ông V1 đang cư trú giải quyết.

1.4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông V1, bà S là Công ty L1 (viết tắt là Công ty) do người đại diện theo pháp luật của Công ty L1 là Luật sư Võ Thiện H – Giám đốc Công ty trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông V1, bà S như đã nêu trên, việc Ngân hàng xác định ngày chuyển nợ quá hạn đối với 02 hợp đồng tín dụng mà bị đơn đã vay của Ngân hàng là ngày 05/11/2021, nhưng sau ngày 05/11/2021 Ngân hàng vẫn áp dụng thu nợ lãi trước mà không thu nợ gốc trước dẫn đến khoản nợ của bị đơn phát sinh như hiện nay là ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 18 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN 30/12/2016 của Ngân hàng N1 để xem xét, giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn.

2. Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ngãi đã tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc bị đơn ông Võ Đình V1, bà Lương Thị S phải trả nợ tín dụng cho Ngân hàng N tổng số tiền tính đến ngày 14/9/2025 là 221.550.921 đồng (trong đó: tiền nợ gốc 120.001.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn 65.210.762 đồng; nợ lãi quá hạn và lãi chậm trả 36.339.159 đồng; nợ gốc và lãi của từng hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 4501LAV201905163 ngày 24/10/2019, tổng cộng số tiền nợ gốc, tiền nợ lãi là 19.981.356 đồng; trong đó: Nợ gốc là 1.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 13.481.721 đồng, nợ lãi quá hạn và lãi chậm trả 6.498.635 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 4501LAV202004476 ngày 26/10/2020, tổng cộng số tiền nợ gốc, tiền nợ lãi là 201.569.565 đồng; trong đó: Nợ gốc là 120.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 51.729.041 đồng, nợ lãi quá hạn và lãi chậm trả 29.840.524 đồng.

Kể từ ngày 15/9/2025 cho đến khi trả xong các khoản nợ, ông V1, bà S còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong từng hợp đồng tín dụng nêu trên.

Trường hợp ông V1, bà S không trả hoặc trả không đầy đủ các khoản nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 341/19-HĐTC ngày 24/10/2019 để thu hồi nợ; tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 158, tờ bản đồ số 23, diện tích 1285,5m², địa chỉ thửa đất: Xã N, huyện T (cũ) (nay là xã T, tỉnh Quảng Ngãi) đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho ông Võ Đình V1 ngày 21 tháng 8 năm 2019, có số phát hành CS 673021, số vào sổ CS 14331.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông V1, bà S phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Nếu còn thừa thì phải trả lại cho bên thế chấp, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

3. Kháng cáo của các đương sự:

3.1. Ngày 30/9/2025, bị đơn bà Lương Thị S và ông Võ Đình V1 kháng cáo, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm: Xem xét lại toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, nợ lãi chậm trả trên cơ sở nội dung của hợp đồng, phù hợp với quy định của pháp luật; Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 25/02/2026 và tại phiên tòa, bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, lý do: Bị đơn đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoàn tất cho Ngân hàng và đã được Ngân hàng xác nhận bằng văn bản ngày 26/12/2025 với nội dung: Đến ngày 26/12/2025, ông Võ Đình V1 và bà Lương Thị S đã trả hết nợ cho Ngân hàng N - Chi nhánh T2 đối với 02 hợp đồng tín dụng số 4501LAV201905163 ký ngày 24/10/2019 và số 4501LAV202004476 ký ngày 26/10/2020. Dư nợ hiện tại: 0 đồng.

3.2. Nguyên đơn: Không kháng cáo.

3.3. Viện kiểm sát: Không kháng nghị.

4. Diễn biến tại phiên tòa:

4.1. Ngày 03/3/2026, nguyên đơn Ngân hàng N có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

4.2. Tại phiên tòa, nguyên đơn đồng ý thoả thuận với bị đơn về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của nguyên đơn và bị đơn.

5. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa:

5.1. *Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:* Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án. Thấy rằng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5.2. *Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia phiên tòa:* Những người tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 75, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

5.3. *Về việc giải quyết vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 103 của Luật các Tổ chức tín dụng; các Điều 12, 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Tuyên xử: Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Lương Thị S, ông Võ Đình V1; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ngãi. Công nhận sự thoả thuận của Ngân hàng N, bà Lương Thị S, ông Võ Đình V1 về việc bà Lương Thị S, ông Võ Đình V1 đã trả xong toàn bộ khoản nợ vay về tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng N - Chi nhánh T2 theo 02 hợp đồng tín dụng số 4501LAV201905163 ký ngày 24/10/2019 và số 4501LAV202004476 ký ngày 26/10/2020 với tổng số tiền đã trả nợ là 155.735.337 đồng. Dư nợ hiện tại: 0 đồng. Về chi phí tố tụng và án phí: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Về thời hạn kháng cáo, hình thức và nội dung đơn kháng cáo đúng quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự thoả thuận được với nhau về việc bị đơn bà Lương Thị S và ông Võ Đình V1 đã trả xong toàn bộ khoản nợ vay về tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng N - Chi nhánh T2 theo 02 hợp đồng tín dụng số 4501LAV201905163 ký ngày 24/10/2019 và số 4501LAV202004476 ký

ngày 26/10/2020 với tổng số tiền đã trả nợ là 155.735.337 đồng. Hiện nay, dư nợ của ông V1, bà S tại Ngân hàng N - Chi nhánh T2 là 0 đồng. Việc thoả thuận của các bên đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận.

[2.2] Về tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc: Bà Lương Thị S, ông Võ Đình V1 tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc với tổng số tiền là 7.500.000 đồng. Số tiền trên đã được bà S, ông V1 trả lại cho Ngân hàng N xong. Do đó, số tiền Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng trước đây, nay chuyển thành tiền chi phí tố tụng.

[2.3] Về án phí: Bà S, ông V1 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử quyết định miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm cho bà S, ông V1. Ngân hàng N không phải chịu án phí, nên được hoàn trả lại toàn bộ.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 103 của Luật các Tổ chức tín dụng; các Điều 12, 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử: Chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Lương Thị S, ông Võ Đình V1; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ngãi.

1. Công nhận sự thoả thuận của Ngân hàng N, bà Lương Thị S, ông Võ Đình V1 về việc bà Lương Thị S, ông Võ Đình V1 đã trả xong toàn bộ khoản nợ vay về tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng N - Chi nhánh T2 theo 02 hợp đồng tín dụng số 4501LAV201905163 ký ngày 24/10/2019 và số 4501LAV202004476 ký ngày 26/10/2020 với tổng số tiền đã trả nợ là 155.735.337 đồng. Hiện nay, dư nợ của ông V1, bà S tại Ngân hàng N - Chi nhánh T2 là 0 đồng.

Bà Lương Thị S, ông Võ Đình V1 liên hệ với Ngân hàng N - Chi nhánh T2 để nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 158, tờ bản đồ số 23, diện tích 1285,5m², địa chỉ thửa đất: Xã N, huyện T (nay là xã T), tỉnh Quảng Ngãi; thửa đất này đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Võ Đình V1 có số phát hành CS 673021, số vào sổ CS 14331, ngày cấp 21 tháng 8 năm 2019 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 341/19-HĐTC ngày 24/10/2019, giữa Ngân hàng với bà S, ông V1.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Lương Thị S, ông Võ Đình V1 tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc với tổng số tiền là 7.500.000 đồng. Số tiền trên đã được bà S, ông V1 trả lại cho Ngân hàng N xong. Do đó, số

tiền Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng trước đây, nay chuyển thành tiền chi phí tố tụng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Bà Lương Thị S, ông Võ Đình V1 được miễn toàn bộ.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng N số tiền 6.748.310 đồng tạm ứng án phí mà Ngân hàng N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006554 ngày 29/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Quảng Ngãi).

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND khu vực 4 - Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 4 - Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Viết Toàn